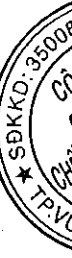


**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN
DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT KIỂM**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
đến ngày 30 tháng 6 năm 2016



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Từ Giang	Chủ tịch
Ông Lê Hưng	Thành viên
Bà Lê Thị Kim Khuyên	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2016)
Ông Trần Thiện Lê	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2016)
Ông Hoàng Huy Hà	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2016)
Ông Vũ Minh Phú	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Nam Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Đỗ Khiêm	Phó Tổng Giám đốc


TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



Lê Hưng
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 7 năm 2016

Số: 052 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 7 năm 2016, từ trang 3 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 22 tháng 7 năm 2016
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
 Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MÃ SỐ B 01a-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.772.125.474.320	1.548.528.293.634
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	89.145.654.054	479.440.036.807
1. Tiền	111		19.145.654.054	479.440.036.807
2. Các khoản tương đương tiền	112		70.000.000.000	-
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	3.456.258.114	-
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.456.258.114	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.338.862.147.860	251.336.885.551
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	15.041.720.169	9.334.433.214
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	45.674.704.071	193.901.843.094
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	8	1.230.070.579.290	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	48.062.189.740	48.087.654.653
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		12.954.590	12.954.590
IV. Hàng tồn kho	140	10	321.120.356.929	811.658.576.347
1. Hàng tồn kho	141		321.120.356.929	811.658.576.347
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.541.057.363	6.092.794.929
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	985.555.662	2.020.111.029
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	12	17.810.698.399	2.454.686.460
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	744.803.302	1.617.997.440
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		630.418.488.527	682.223.177.998
I. Tài sản cố định	220		499.446.842.468	545.354.829.477
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	475.616.716.859	542.725.655.534
- Nguyên giá	222		1.279.066.327.200	1.279.066.327.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(803.449.610.341)	(736.340.671.666)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	23.830.125.609	2.629.173.943
- Nguyên giá	228		64.684.198.145	41.132.298.145
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(40.854.072.536)	(38.503.124.202)
II. Tài sản dài hạn khác	260		130.971.646.059	136.868.348.521
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	130.971.646.059	133.594.948.521
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	-	3.273.400.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.402.543.962.847	2.230.751.471.632

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam


Báo cáo tài chính giữa niên độ

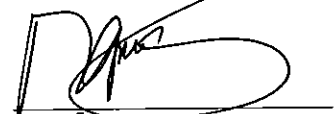
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016		31/12/2015	
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.868.423.845.087		1.760.515.856.260	
I. Nợ ngắn hạn	310		1.321.319.395.990		1.174.411.407.163	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	144.821.115.995		287.007.785.471	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	46.935.535.050		51.749.701.303	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	3.238.526.518		6.932.885.183	
4. Phải trả người lao động	314		11.993.415.516		13.156.471.863	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	14.586.367.961		31.586.189.874	
6. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	8	-		197.744.149	
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	24.683.620.835		25.665.405.886	
8. Vay ngắn hạn	320	20	1.072.948.104.519		755.727.413.838	
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.112.709.596		2.387.809.596	
II. Nợ dài hạn	330		547.104.449.097		586.104.449.097	
1. Vay dài hạn	338	21	547.104.449.097		586.104.449.097	
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		534.120.117.760		470.235.615.372	
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	526.515.157.826		460.460.146.238	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		594.897.870.000		594.897.870.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		594.897.870.000		594.897.870.000	
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.597.721.463		2.597.721.463	
3. Lỗi lũy kế	421		(70.980.433.637)		(137.035.445.225)	
- Lỗi lũy kế đến cuối năm trước	421a		(137.035.445.225)		(175.719.341.089)	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		66.055.011.588		38.683.895.864	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		7.604.959.934		9.775.469.134	
1. Nguồn kinh phí	431		(14.954.460.233)		9.328.527.263	
2. Nguồn kinh phí đã hình thành	432		22.559.420.167		446.941.871	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.402.543.962.847		2.230.751.471.632	


Nguyễn Phương Hương
Người lập biểu


Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng


Lê Hưng
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 7 năm 2016

C. T. T. H. H.
M. S. C. N.
Đ. G. C.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
 Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

MÃ SỐ B 02a-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
1. Doanh thu gộp	01		1.253.935.121.553	783.133.377.613
2. Doanh thu thuần (10=01)	10	25	1.253.935.121.553	783.133.377.613
3. Giá vốn	11	26	1.151.982.192.356	710.090.095.015
4. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		101.952.929.197	73.043.282.598
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	9.608.055.718	5.081.909.074
6. Chi phí tài chính	22	29	31.537.907.647	41.968.169.160
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		30.894.362.190	28.201.119.015
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	12.965.577.270	14.589.145.446
8. Lợi nhuận thuần (30=20+(21-22)-26)	30		67.057.499.998	21.567.877.066
9. Thu nhập khác	31		3.455.502.598	577.882.743
10. Chi phí khác	32		1.184.591.008	1.754.278.050
11. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40	31	2.270.911.590	(1.176.395.307)
12. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		69.328.411.588	20.391.481.759
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	-	-
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	32	3.273.400.000	454.174.358
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		66.055.011.588	19.937.307.401
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	1.110	335



Nguyễn Phương Hương
 Người lập biểu



Nguyễn Văn Quang
 Kế toán trưởng



Tổng Giám đốc
 Ngày 22 tháng 7 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 03a-DN

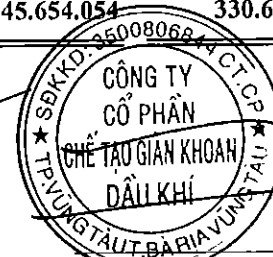
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	69.328.411.588	20.391.481.759
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	68.020.465.305	72.015.963.128
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(4.492.464.529)	12.194.862.392
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.149.790.091)	(2.161.828.630)
Chi phí lãi vay	06	30.894.362.190	28.201.119.015
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	160.600.984.463	130.641.597.664
Thay đổi các khoản phải thu	09	(1.101.995.091.091)	(381.519.380.556)
Thay đổi hàng tồn kho	10	490.538.219.418	(515.364.962.811)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(146.090.959.438)	(429.546.880.370)
Thay đổi chi phí trả trước	12	3.657.857.829	2.192.712.154
Chi phí lãi vay	14	(53.841.793.560)	(36.870.683.668)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	41.314.237.641
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(24.558.087.496)	(24.768.310.493)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(671.688.869.875)	(1.213.921.670.439)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	-	(7.492.195.910)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.456.258.114)	-
3. Thu lãi tiền gửi	27	3.149.790.091	2.161.828.630
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(306.468.023)	(5.330.367.280)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	498.792.558.481	822.607.525.270
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(216.432.705.442)	(285.924.356.669)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(602.487.800)	(507.279.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	281.757.365.239	536.175.889.201
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(390.237.972.659)	(683.076.148.518)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	479.440.036.807	1.013.571.500.908
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(56.410.094)	189.185.833
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	89.145.654.054	330.684.538.223

Nguyễn Phương Hương
Người lập biểu

Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng

Le Hung
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 7 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3500806844 ngày 09 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 641 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 695 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thùy, phương tiện nổi và các thiết bị liên quan; kinh doanh các loại thiết bị và nguyên vật liệu liên quan.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Hoạt động chính của Công ty là đóng mới, sửa chữa các loại giàn khoan khai thác dầu khí, phương tiện nổi, chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty tương ứng theo thời gian thực hiện việc đóng mới và sửa chữa, tùy theo từng dự án, thường là trong thời gian 1 đến 3 năm cho việc đóng mới và không quá 12 tháng cho dịch vụ sửa chữa.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

008
ÔNG
PH
GIÀN
DẦU KHÍ
T. B. A. P.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thới Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 15
Phương tiện vận tải	2 - 6
Thiết bị hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp	2 - 3
Khác	3

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm vi tính và phần mềm thiết kế tàu biển hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy vi tính và phần mềm thiết kế tàu biển mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì giá mua sẽ được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính và phần mềm thiết kế tàu biển được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất là 47 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị san lấp mặt bằng và công cụ, dụng cụ, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn trên 1 năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem thuyết minh dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (VAS 10). Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	443.266.224	866.303.485
Tiền gửi ngân hàng	18.702.387.830	478.573.733.322
Các khoản tương đương tiền	70.000.000.000	-
	<u><u>89.145.654.054</u></u>	<u><u>479.440.036.807</u></u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam tại Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Công thương Việt Nam ("Vietinbank") với kỳ hạn một tháng và hưởng lãi suất 4,4%/năm.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu với kỳ hạn từ ngày 05 tháng 02 năm 2016 đến ngày 05 tháng 02 năm 2017 và hưởng lãi suất 6,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Liên doanh Dầu khí Việt - Xô	1.925.991.739	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	-	2.831.016.136
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu Khí	1.579.182.000	1.579.742.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Kỹ thuật TJS	1.048.347.267	1.052.522.520
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	-	2.675.415.087
Công ty TNHH Đóng Tàu & Cơ Khí Hàng Hải Sài Gòn	5.953.980.780	-
ARKTIKMORNEFTEGAZRAZVEDKA Open Joint - Stock Company	2.835.821.714	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.698.396.669	1.195.737.471
	<u><u>15.041.720.169</u></u>	<u><u>9.334.433.214</u></u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
National Oilwell Varco L.P.638	7.526.569.185	166.045.059.062
Dril-quip Asia Pacific Pte Ltd	-	5.928.725.192
Nhà cung cấp khác	38.148.134.886	21.928.058.840
	<u><u>45.674.704.071</u></u>	<u><u>193.901.843.094</u></u>

Trả trước cho người bán ngắn hạn thể hiện các khoản trả trước đối với Hợp đồng mua thiết bị phục vụ cho Dự án Tam Đảo 05 của Công ty.

8. PHẢI THU/PHẢI TRẢ THEO TIẾN ĐỘ HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Hợp đồng dở dang tại ngày kết thúc kỳ kế toán: Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	1.230.070.579.290	-
Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	-	197.744.149
	<u><u>1.230.070.579.290</u></u>	<u><u>197.744.149</u></u>
Chi phí hợp đồng xây dựng cộng lợi nhuận đã ghi nhận trừ các khoản lỗ đã ghi nhận lũy kế	4.324.569.584.961	3.094.301.261.522
Trừ: số đã phát hành hóa đơn theo tiến độ	3.094.499.005.671	3.094.499.005.671
	<u><u>1.230.070.579.290</u></u>	<u><u>(197.744.149)</u></u>

Phải thu, phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng liên quan đến dự án xây dựng giàn khoan Tam Đảo 05 được ký kết giữa Công ty và Liên doanh Dầu khí Việt - Xô ("Vietsovpetro") theo thỏa thuận trên Hợp đồng số 885/13/T-N4/KB-PVShipyards ngày 29 tháng 11 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Phải thu người lao động	662.281.601	1.372.977.812
Ký cược, ký quỹ	27.000.000	-
Phải thu khác		
- Công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI) - Chi nhánh Vũng Tàu	-	381.216.946
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (*)	14.840.315.750	15.412.679.160
- Cơ quan Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu (**)	28.261.130.481	28.261.130.481
- Đối tượng khác	4.271.461.908	2.659.650.254
	<u>48.062.189.740</u>	<u>48.087.654.653</u>

(*) Phải thu từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí ("PSI") tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 30 tháng 6 năm 2016 thể hiện khoản cổ tức Công ty đã chuyển cho PSI nhưng PSI chưa thanh toán cho các cổ đông của Công ty.

(**) Phải thu từ Cơ quan Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu là khoản thuế giá trị gia tăng nhập khẩu của thiết bị nhập khẩu phục vụ dự án Tam Đảo 05 để nghị hoàn. Khoản thuế này sẽ được hoàn lại tại ngày kết thúc dự án.

10. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2016		31/12/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đi đường	94.621.235.308	-	143.616.226.536	-
Nguyên liệu, vật liệu	213.942.945.387	-	662.157.063.174	-
Công cụ và dụng cụ	7.980.325.037	-	5.830.332.274	-
Chi phí sản xuất kinh	4.575.851.197	-	54.954.363	-
	<u>321.120.356.929</u>	<u>-</u>	<u>811.658.576.347</u>	<u>-</u>

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	170.526.478	624.507.299
Các khoản khác	815.029.184	1.395.603.730
	<u>985.555.662</u>	<u>2.020.111.029</u>
b) Dài hạn		
Tiền thuê đất (*)	124.191.236.362	125.732.014.960
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.523.562.620	5.125.198.590
Các khoản khác	4.256.847.077	2.737.734.971
	<u>130.971.646.059</u>	<u>133.594.948.521</u>

(*) Tiền thuê đất thể hiện tiền thuê mặt bằng tại căn cứ cảng PTSC thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với diện tích 39,8 ha theo Hợp đồng thuê số CN0107001/HDKT - PVSĐ ngày 06 tháng 12 năm 2007 đã ký kết với Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình cho mục đích xây dựng văn phòng, nhà xưởng, kho bãi phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn thuê được tính từ khi hai bên ký biên bản bàn giao mặt bằng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2057.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2016	Số ghi nhận tăng/ phải nộp trong kỳ	Số đã khấu trừ/ thực nộp trong kỳ	30/6/2016
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	2.454.686.460	17.773.900.048	(2.417.888.109)	17.810.698.399
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	92.576.415	92.576.415
Thuế nhập khẩu	1.617.997.440	(1.537.257.975)	571.487.422	652.226.887
	1.617.997.440	(1.537.257.975)	664.063.837	744.803.302
b. Các khoản phải trả nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng đầu	554.370.767	2.471.141.738	(3.025.512.505)	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.578.116.786	2.039.225.515	(2.985.154.997)	632.187.304
Thuế nhà thầu	3.408.539.154	10.986.262.537	(11.791.462.477)	2.603.339.214
Thuế khác	1.391.858.476	45.000.000	(1.433.858.476)	3.000.000
	6.932.885.183	15.541.629.790	(19.235.988.455)	3.238.526.518

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ
65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thới Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

MÃ SỐ B 09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Thiết bị hình thành từ nguồn kinh phí	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ Tại ngày 01/01/2016 và 30/6/2016	737.699.245.400	120.051.402.553	397.516.923.844	10.051.303.961	3.850.699.617	9.896.751.825	1.279.066.327.200
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ Tại ngày 01/01/2016 Khấu hao trong kỳ Tại ngày 30/6/2016	444.361.209.288 41.247.045.692 485.608.254.980	85.191.586.772 8.478.019.072 93.669.605.844	186.225.548.791 16.865.529.390 203.091.078.181	8.814.945.568 260.571.861 9.075.517.429	3.387.525.107 65.560.872 3.453.085.979	8.359.856.140 192.211.788 8.552.067.928	736.340.671.666 67.108.938.675 803.449.610.341
GIÁ TRỊ CÒN LẠI Tại ngày 30/6/2016	293.338.036.112	34.859.815.781	211.291.375.053	1.236.358.393	463.174.510	1.344.683.897	475.616.716.859
Tại ngày 31/12/2015	252.090.990.420	26.381.796.709	194.425.845.663	975.786.532	397.613.638	1.536.895.685	542.725.655.534

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, tài sản cố định hữu hình của Công ty bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 163.215.788.275 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 56.031.854.530 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

14. TĂNG TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phân mềm hình thành từ nguồn kinh		Tổng VND
	Phân mềm vi tính VND	phí sự nghiệp VND	
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2016	17.966.543.935	23.165.754.210	41.132.298.145
Tăng trong kỳ	-	23.551.900.000	23.551.900.000
Tại ngày 30/6/2016	17.966.543.935	46.717.654.210	64.684.198.145
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2016	15.337.369.992	23.165.754.210	38.503.124.202
Khấu hao trong kỳ	977.087.502	1.373.860.832	2.350.948.334
Tại ngày 30/6/2016	16.314.457.494	24.539.615.042	40.854.072.536
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2016	1.652.086.441	22.178.039.168	23.830.125.609
Tại ngày 31/12/2015	2.629.173.943	-	2.629.173.943

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 35.269.773.145 đồng.

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	30/06/2016 VND	31/12/2015 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	3.273.400.000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	3.273.400.000
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	3.273.400.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng là 28.962.731.271 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 99.088.017.169 đồng) có thể được dùng để khấu trừ các khoản lợi nhuận trong tương lai. Trong đó:

Công ty không ghi nhận thuế hoãn lại đối với khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng vì không chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kết chuyển trong thời gian 5 năm kể từ năm sau năm phát sinh lỗ. Lợi ích từ các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ hết hạn vào năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/6/2016		31/12/2015	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu Khí Sao Mai - Bến Đỉnh	14.591.601.064	14.591.601.064	1.151.654.463	1.151.654.463
Công ty TNHH Công Nghệ Niềm Tin	15.167.900.000	15.167.900.000	-	-
Posh Teresa Offshore Pte Ltd.	-	-	29.668.230.145	29.668.230.145
Lenn International Pte Ltd.	-	-	19.692.582.433	19.692.582.433
National Oilwell Varco LP #638	-	-	29.971.510.128	29.971.510.128
Abnormal Load Engineering Ltd.	-	-	14.529.726.000	14.529.726.000
Semco Maritime Pte Ltd.	-	-	9.016.000.000	9.016.000.000
Italgro S.R.L.	-	-	8.925.840.000	8.925.840.000
Công ty Cổ phần Hưng Kim	-	-	8.698.833.000	8.698.833.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải biển Hải Vân	-	-	7.233.655.000	7.233.655.000
Gaylin International Pte Ltd.	-	-	6.942.320.000	6.942.320.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Kỹ thuật TJS	-	-	6.145.120.814	6.145.120.814
Phải trả cho các đối tượng khác	115.061.614.931	115.061.614.931	145.032.313.488	145.032.313.488
	144.821.115.995	144.821.115.995	287.007.785.471	287.007.785.471

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Trong năm 2013, Liên doanh Dầu khí Việt - Xô ("Vietsovpetro") tạm ứng 10% giá trị hợp đồng theo thỏa thuận trên Hợp đồng số 885/13/T-N4/KB-PVShipyard ngày 29 tháng 11 năm 2013 liên quan đến dự án xây dựng giàn khoan Tam Đảo 05 được ký kết giữa Công ty và Vietsovpetro. Khoản tạm ứng này được cần trừ dần vào các lần thanh toán kế tiếp theo được quy định cụ thể trên hợp đồng. Số dư người mua trả tiền trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 30 tháng 6 năm 2016 thể hiện số tiền tạm ứng còn lại của Vietsovpetro chưa được cần trừ. Khoản người mua trả tiền trước sẽ được cần trừ hết khi dự án Tam Đảo 05 hoàn thành trong năm nay.

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	22.947.431.370
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản (gói thầu XL2)	7.018.078.517	7.018.078.517
Chi phí nhân công thuê ngoài	5.480.486.776	-
Chi phí khác	2.087.802.668	1.620.679.987
	14.586.367.961	31.586.189.874

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Phải trả cổ tức	19.071.767.600	19.674.255.400
Phải trả khác	5.611.853.235	5.991.150.486
	24.683.620.835	25.665.405.886

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

20. VAY NGẮN HẠN

	31/12/2015		Trong kỳ		30/6/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	616.854.469.351	616.854.469.351	498.792.558.481	(138.432.705.442)	977.214.322.390	977.214.322.390
Nợ dài hạn tới hạn phải trả (Thuyết minh số 21)	117.000.000.000	117.000.000.000	39.000.000.000	(78.000.000.000)	78.000.000.000	78.000.000.000
Chênh lệch tỷ giá	21.872.944.487	21.872.944.487	-	(4.139.162.358)	17.733.782.129	17.733.782.129
	755.727.413.838	755.727.413.838	537.792.558.481	(220.571.867.800)	1.072.948.104.519	1.072.948.104.519

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng sau:

- Vay ngắn hạn bằng đồng Đô la Mỹ từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần ("TMCP") Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu, đáo hạn trong vòng 6 tháng kể từ ngày rút vốn. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất 2%/năm, tiền lãi được thanh toán hàng tháng. Đây là khoản vay từ Hợp đồng tín dụng số 65/2014 ngày 26 tháng 9 năm 2014 với hạn mức tín dụng tương đương 750 tỷ đồng. Hạn mức tín dụng dùng để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở và thanh toán thư tín dụng để phục vụ hợp đồng đóng mới giàn khoan Tam Đảo 05. Hợp đồng này có hiệu lực trong vòng 36 tháng kể từ ngày ký.

- Vay ngắn hạn bằng đồng Đô la Mỹ từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Vũng Tàu, đáo hạn trong vòng 9 tháng kể từ ngày rút vốn. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản là quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng đóng mới giàn khoan Tam Đảo 05 và chịu lãi suất trong hạn là 2%/năm, tiền lãi được thanh toán hàng tháng. Đây là khoản vay từ Hợp đồng tín dụng số 003/2015/HĐHM-PN/SHB.130800 ký kết trong tháng 01 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 20 triệu Đô la Mỹ. Hạn mức tín dụng dùng để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở và thanh toán thư tín dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Hợp đồng này có hiệu lực trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký.

- Vay ngắn hạn bằng đồng Đô la Mỹ từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 04, đáo hạn trong vòng 12 tháng kể từ ngày rút vốn. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất 2,3%/năm, tiền lãi được thanh toán hàng tháng. Đây là khoản vay từ Hợp đồng tín dụng số 01/2015-HĐTDHM/NHCT908-PVShipyard ký kết trong tháng 3 năm 2015 và phụ lục hợp đồng với hạn mức tín dụng tương đương 970 tỷ đồng. Hạn mức tín dụng dùng để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở và thanh toán thư tín dụng để phục vụ hợp đồng đóng mới giàn khoan Tam Đảo 05. Hợp đồng này có hiệu lực trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký.

21. VAY DÀI HẠN

	31/12/2015		Trong kỳ		30/6/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn	586.104.449.097	586.104.449.097	-	(39.000.000.000)	547.104.449.097	547.104.449.097

Vay và nợ dài hạn thể hiện khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVFC") nay là Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (gọi tắt là "PVcomBank") gồm 2 hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 11/2011/HDTDUT/TC DK-CNV T.TD ngày 17 tháng 5 năm 2011 với số tiền 641 tỷ đồng cho mục đích thanh toán chi phí đầu tư của dự án "Xây dựng căn cứ đóng mới và sửa chữa giàn khoan dầu khí". Thời hạn vay ban đầu là 12 tháng từ ngày 24 tháng 5 năm 2011 đến ngày 24 tháng 5 năm 2012 và gia hạn đến ngày 24 tháng 11 năm 2014 theo Phụ lục số 01/11/2011/HDTDUT/TC DK-CNV T.TD. Khoản vay này là khoản vay tín chấp và đã được giải ngân hết trong năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

- Hợp đồng tín dụng số 07/HDTDUT/TCDK-CNV.TD ngày 18 tháng 3 năm 2011 với số tiền tối đa là 250 tỷ đồng cho mục đích thanh toán chi phí đầu tư của dự án “Xây dựng căn cứ đóng mới và sửa chữa giàn khoan dầu khí”. Lãi suất vay bằng lãi suất huy động vốn từ tổ chức kinh tế kỳ hạn 12 tháng của PVcomBank tại thời điểm xác định lãi suất cộng 5%/năm đối với khoản vay giải ngân trước ngày 06 tháng 10 năm 2011 và 14,2%/năm đối với khoản vay giải ngân sau ngày 06 tháng 10 năm 2011. Khoản vay này là khoản vay tín chấp. Thời hạn vay là thời hạn từ khi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chuyển vốn ủy thác cho PVcomBank đến ngày 06 tháng 4 năm 2012. Công ty đã giải ngân 153.197.270.000 đồng trong năm 2011 và 30.363.179.097 đồng trong năm 2012.

Ngày 09 tháng 5 năm 2013, Công ty và PVcomBank đã ký hai Phụ lục hợp đồng tín dụng số 02/07/HDTDUT/TCDK-CNV.TD và số 02/11/2011/HDTDUT/TCDK-CNV.TD cho hai hợp đồng tín dụng. Theo đó, hai khoản vay này được cơ cấu lại và gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Hai khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 30 tháng 6 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Khoản vay chịu lãi suất bằng 100% lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”) tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng phí ủy thác (0,15%/năm).

Ngày 29 tháng 6 năm 2015, Công ty và PVcomBank đã ký bổ sung phụ lục của hai hợp đồng tín dụng số 02/07/HDTDUT/TCDK-CNV.TD và số 02/11/2011/HDTDUT/TCDK-CNV.TD. Theo đó, khoản nợ đáo hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 sẽ được trả vào năm 2015, khoản nợ gốc còn lại sẽ được trả trong 19 kỳ (6 tháng một lần) bắt đầu từ ngày 30 tháng 6 năm 2015 tới ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	78.000.000.000	117.000.000.000
Trong năm thứ hai	78.000.000.000	78.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	234.000.000.000	234.000.000.000
Sau năm năm	235.104.449.097	274.104.449.097
	625.104.449.097	703.104.449.097
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (trình bày tại Thuyết minh số 20)	(78.000.000.000)	(117.000.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	547.104.449.097	586.104.449.097

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lỗi lũy kế	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	594.897.870.000	2.597.721.463	(175.719.341.089)	421.776.250.374
Lợi nhuận trong năm	-	-	38.683.895.864	38.683.895.864
Số dư tại ngày 31/12/2015	594.897.870.000	2.597.721.463	(137.035.445.225)	460.460.146.238
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	66.055.011.588	66.055.011.588
Số dư tại ngày 30/6/2016	594.897.870.000	2.597.721.463	(70.980.433.637)	526.515.157.826

Cổ phần

	30/6/2016	31/12/2015
	Cổ phần	Cổ phần
- Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	59.489.787	59.489.787
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	59.489.787	59.489.787

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

- Số lượng cổ phần đang lưu hành 59.489.787 59.489.787
 Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết cổ đông và vốn cổ phần tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	30/6/2016 và 31/12/2015		
	Phần trăm (%)	Số cổ phần	Vốn đã góp (VND)
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	28,75	17.105.643	171.056.430.000
Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam	7,53	4.479.257	44.792.570.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4,03	2.400.000	24.000.000.000
Liên doanh Dầu khí Việt-Xô	3,63	2.161.300	21.613.000.000
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	4,03	2.400.000	24.000.000.000
Các cổ đông khác	52,03	30.943.587	309.435.870.000
	<u>100</u>	<u>59.489.787</u>	<u>594.897.870.000</u>

Theo Nghị quyết số 021/16/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 3 năm 2016, các Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phát hành thêm 61.918.213 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng cho cổ đông chiến lược là Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu Thủy Dung Quất tương đương 51% vốn điều lệ. Việc tăng vốn dự kiến được thực hiện trong năm 2016.

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2015	31/12/2014
Ngoại tệ các loại		
<i>Đô la Mỹ</i>	468.847,95	6.657.372,71
<i>Đồng Euro</i>	102,07	102,04

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, phương tiện nổi và các thiết bị liên. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và toàn bộ doanh thu, chỉ phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 là liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Về mặt địa lý, Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam Số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thới Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

25. DOANH THU THUẬN

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	VND	VND
Hợp đồng xây dựng giàn khoan	1.230.268.323.439	747.551.836.531
Hợp đồng sửa chữa khác	19.317.683.272	29.542.329.529
Dịch vụ khác	4.349.114.842	6.039.211.553
	1.253.935.121.553	783.133.377.613

26. GIÁ VỐN

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	VND	VND
Hợp đồng xây dựng giàn khoan	1.139.174.765.910	692.177.626.417
Hợp đồng sửa chữa khác	11.803.020.714	17.794.985.342
Dịch vụ khác	1.004.405.732	117.483.256
	1.151.982.192.356	710.090.095.015

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	896.415.105.757	418.368.882.386
Chi phí nhân công	84.908.554.356	88.288.304.889
Chi phí khấu hao tài sản cố định	68.020.465.305	72.015.963.128
Chi phí dịch vụ mua ngoài	109.119.295.411	138.912.796.815
Chi phí khác	6.446.919.405	7.093.293.243
	1.164.910.340.234	724.679.240.461

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
Lãi tiền gửi	3.149.790.091	2.161.828.630
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.458.265.627	2.920.080.444
	9.608.055.718	5.081.909.074

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	30.894.362.190	28.201.119.015
Lỗ chênh lệch tỷ giá	643.545.457	13.767.050.145
	31.537.907.647	41.968.169.160

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	VND	VND
Chi phí lương	10.010.987.369	12.085.772.387
Chi phí khác	2.954.589.901	2.503.373.059
	12.965.577.270	14.589.145.446

31. THU NHẬP/(LỖ) KHÁC

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	VND	VND
Thu nhập khác	3.455.502.598	577.882.743
Tiền bảo hiểm bồi thường	2.632.015.562	-
Thu nhập khác	823.487.036	577.882.743
Chi phí khác	1.184.591.008	1.754.278.050
Lợi nhuận/(lỗ) khác	2.270.911.590	(1.176.395.307)

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	69.328.411.588	20.391.481.759
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(314.884.976)	(136.687.342)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.111.759.286	180.460.408
Thu nhập chịu thuế	70.125.285.898	20.435.254.825
Trừ: Chuyển lỗ	(99.088.017.169)	(148.434.861.806)
Thu nhập tính thuế	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành	-	-

Theo Công văn số 6031/CT-TTHT do Cục thuế Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ký ngày 17 tháng 10 năm 2008, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo các mức thuế suất như sau:

- Đối với các hoạt động đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập với thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế trong mười năm kể từ năm bắt đầu hoạt động kinh doanh và theo thuế suất thông thường cho các năm sau đó. Công ty cũng được miễn thuế thu nhập trong hai năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2010), và được giảm 50% thuế thu nhập trong ba năm tiếp theo.

- Đối với hoạt động thi công công trình thủy, sản xuất các loại vật liệu, sản xuất thiết bị cơ khí và điện tử phục vụ công tác chế tạo giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí và tàu thủy, chế tạo thiết bị và kết cấu thép cho các công trình hạ tầng và công nghiệp, nạo vét luồng lạch và san lấp tạo bãi, tạo mặt bằng xây dựng, cung cấp dịch vụ xây dựng cho công trình dầu khí và các hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập với thuế suất thông thường theo quy định hiện hành là 20%.

Trong năm, Công ty không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp do Công ty không có thu nhập tính thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	66.055.011.588	19.937.307.401
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	59.489.787	59.489.787
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.110	335

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 và số 21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, vốn khác của chủ sở hữu và lỗ lũy kế).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Các khoản vay	1.620.052.553.616	1.341.831.862.935
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	89.145.654.054	479.440.036.807
Nợ thuần	1.530.906.899.562	862.391.826.128
Vốn chủ sở hữu	526.515.157.826	460.460.146.238
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	2,91	1,87

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	89.145.654.054	479.440.036.807
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.292.485.207.598	27.787.979.574
Ký quỹ	27.000.000	-
Tổng cộng	1.381.657.861.652	507.228.016.381
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	169.448.700.343	312.673.066.357
Các khoản vay	1.620.052.553.616	1.341.831.862.935
Chi phí phải trả	14.586.367.961	31.586.189.874
Tổng cộng	1.804.087.621.920	1.686.091.119.166

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2016	31/12/2015	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	13.206.057.626	149.459.780.823	1.061.140.124.855	812.074.087.935
Đô la Singapore (SGD)	-	-	70.397.871	25.745.753
Bảng Anh (GPB)	-	-	354.099.101	-
Đồng Euro (EUR)	2.520.929	7.684.916.299	-	5.380.048.481

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo****Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ***

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ, Đồng Euro, Bảng Anh và Đô la Singapore.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm tài chính và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016		Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	
	VND		VND	
	Tăng 2%	Giảm 2%	Tăng 2%	Giảm 2%
Đô la Mỹ (USD)	(20.958.681.345)	20.958.681.345	(20.961.692.023)	20.961.692.023
Đô la Singapore (SGD)	(1.407.957)	1.407.957	(518.065)	518.065
Bảng Anh (GPB)	(7.081.982)	7.081.982	-	-
Đồng Euro (EUR)	50.419	(50.419)	156.697	(156.697)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay từ các Ngân hàng thương mại. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 100 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm/kỳ kế toán kết thúc sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	Tăng/(Giảm) số	Ảnh hưởng đến lợi
	điểm cơ bản	nhuận trước thuế
		VND
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2016	100	16.200.525.536
	(100)	(16.200.525.536)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015	100	13.418.318.629
	(100)	(13.418.318.629)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	89.145.654.054	-	-	89.145.654.054
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.292.485.207.598	-	-	1.292.485.207.598
Các khoản ký quỹ	27.000.000	-	-	27.000.000
Tổng cộng	1.381.657.861.652	-	-	1.381.657.861.652
Phải trả người bán và phải trả khác	169.448.700.343	-	-	169.448.700.343
Các khoản vay và lãi	1.072.948.104.519	312.000.000.000	235.104.449.097	1.620.052.553.616
Chi phí phải trả	14.586.367.961	-	-	14.586.367.961
Tổng cộng	1.256.983.172.823	312.000.000.000	235.104.449.097	1.804.087.621.920
Chênh lệch thanh khoản thuần	124.674.688.829	(312.000.000.000)	(235.104.449.097)	(422.429.760.268)
31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	479.440.036.807	-	-	479.440.036.807
Phải thu khách hàng và phải thu khác	27.787.979.574	-	-	27.787.979.574
Tổng cộng	507.228.016.381	-	-	507.228.016.381
Phải trả người bán và phải trả khác	312.673.066.357	-	-	312.673.066.357
Các khoản vay và lãi	755.727.413.838	312.000.000.000	274.104.449.097	1.341.831.862.935
Chi phí phải trả	31.586.189.874	-	-	31.586.189.874
Tổng cộng	1.099.986.670.069	312.000.000.000	274.104.449.097	1.686.091.119.166
Chênh lệch thanh khoản thuần	(592.758.653.688)	(312.000.000.000)	(274.104.449.097)	(1.178.863.102.785)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

Do khoản nợ tài chính lớn nhất chủ yếu là từ các khoản vay ngắn hạn từ các Ngân hàng thương mại, được hoàn trả trên cơ sở dòng tiền từ dự án Tam Đảo 05 phát sinh trong năm 2016, và các khoản nợ dài hạn từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ủy thác qua Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam với thời hạn trả nợ dài hạn đến năm 2024 và được hoàn trả trên cơ sở dòng tiền từ hoạt động kinh doanh trong các năm sau nên Công ty đánh giá mức rủi ro tính thanh khoản thuận ở mức độ thấp.


35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Bên liên quan****Mối quan hệ**

Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Cổ đông lớn nhất
Liên doanh Dầu khí Việt-Xô	Cổ đông lớn

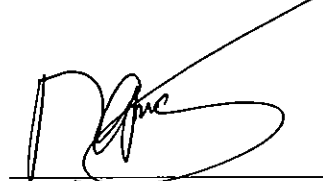
Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan đã được trình bày ở các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị của Công ty được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Lương và thưởng	<u>2.487.271.973</u>	<u>1.791.997.703</u>



Nguyễn Phương Hương
Người lập biểu



Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng



Lê Hưng
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 7 năm 2016

